TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Cường.

2. Ông Lê Đức Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc " Tranh chấp Ly hôn và nuôi con".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, Thanh Hóa

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 21/5/2020 và bản tự khai ngày 15/6/2020, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/7/2013 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời

gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên chơi lô đề, nợ nần. Đã nhiều lần chị T khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và có vài lần anh C đánh chị T, vì vậy chị T đã về nhà mẹ đẻ từ tháng 5/2015 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Trung H, sinh ngày 05/4/2014, hiện nay cháu H đang sống cùng chị T. Nguyện vọng của chị sau khi ly hôn là được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn C và yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Trung H, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với tài sản chung vợ chồng không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 15/6/2020 bị đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày:* Anh và chị T kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N vào ngày 22/7/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp và do anh có chơi bời dẫn đến sa sút về kinh tế, khi chị T góp ý thì anh đã đánh chị T. Mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức căng thẳng lắm nhưng do bố mẹ chị T đến đón chị T về nhà ở cùng ông bà nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5/2015 cho đến nay.

Sau khi chị T về mẹ đẻ ở và đi làm công nhân ở Bắc Ninh, anh C thỉnh thoảng vẫn đến thăm chị T và vợ chồng vẫn quan hệ sinh lý bình thường, anh thường xuyên khuyên chị T về chung sống nhưng chị T không về cho nên từ năm 2018 vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ, không còn quan tâm gì đến nhau.

Việc chị T xin ly hôn, anh thấy rằng vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Trung H, sinh ngày 05/4/2014, hiện nay cháu H đang sống cùng chị T. Nguyện vọng của anh sau khi ly hôn là được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

**** Về tố tụng:***

- *Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với anh C chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ, không có mặt trong nhiều buổi làm việc của Tòa án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh C theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**** Về nội dung:***

- *Về đường lối giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn anh C.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự cho rằng tài sản chung vợ chồng không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn C có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên việc chị Phạm Thị T yêu cầu Tòa án nhân

dân huyện Nông Cống giải quyết ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 27/8/2020 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt anh Nguyễn Văn C, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai vẫn vắng mặt anh Nguyễn Văn C, tuy nhiên anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh C vẫn vắng mặt, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh C là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 22/7/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C hay bài bạc và thỉnh thoảng có đánh chị T. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2015 đến nay không quan tâm gì đến nhau. Đến nay, chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Anh C cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn và đề nghị vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Trung H, sinh ngày 05/4/2014, hiện nay cháu H đang sống cùng chị T.

Nguyện vọng của cả hai bên đương sự đều mong muốn được nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu bên không nuôi con phải chấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự đều cho rằng tài sản vợ chồng không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Xét yêu cầu về việc ly hôn và nuôi con chung của chị T và anh C thấy rằng:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn C dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/7/2014 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C bài bạc dẫn đến kinh tế sa sút, vì vậy vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau dẫn đến anh C có đánh chị T vài lần. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng nên anh chị sống ly thân từ tháng 5/2015 đến nay, không quan tâm gì đến nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, anh C cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Tại biên bản xác minh ngày 11/8/2020, bà Trịnh Thị T1 là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh C và chị T kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống, có lần chị T và anh C cãi nhau, anh C có tát nhẹ chị T làm chị T chảy máu miệng nên đã gọi cho bên ngoại đến đón về và vợ chồng sống ly thân từ ngày 15/5/2015 cho đến nay. Sau khi chị T về mẹ đẻ ở, gia đình bà có đến bảo chị T về đoàn tụ nhưng chị T không về. Nguyện vọng của gia đình bà là muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Đối với cháu Nguyễn Trung H là con chung của chị T và anh C, thời gian đầu khi chị T mới về ngoại ở, anh C đi làm ăn xa thỉnh thoảng có về thăm con nhưng do bên ngoại cư xử không đúng mực nên từ năm 2017 đến nay anh C không đến thăm con nữa, riêng gia đình bà vẫn thường xuyên đến thăm cháu và mua quà cho cháu cũng như đóng học phí cho cháu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T và anh C mâu thuẫn trong thời gian dài, hai bên đã sống ly thân với nhau từ lâu không quan tâm gì đến nhau, anh C có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh không có hành động gì để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và kể từ năm 2018 đến nay, anh không còn quan tâm gì đến vợ con. Vì vậy thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Trung H, sinh ngày 05/4/2014, hiện nay cháu H đang sống cùng chị T.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị T đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa vắng mặt anh C, tuy nhiên tại bản tự khai và biên bản hòa giải, anh C cũng có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của hai bên đương sự thấy rằng: Cháu Nguyễn Trung H hiện đang sống cùng chị T, theo trình bày của anh C tại bản tự khai và trình bày của bà Trịnh Thị T1 là mẹ đẻ anh C thì kể từ năm 2018 đến nay, anh C không còn quan tâm gì đến cháu H, trong khi đó cháu H đang sống cùng với chị T. Vì vậy để tránh việc sáo trộn cuộc sống sinh hoạt và học tập của cháu cũng như đảm bảo hơn trong việc chăm sóc, dạy dỗ đối với cháu, cần chấp

nhận yêu cầu của chị T để giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy không buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

- Về tài sản chung vợ chồng: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 05/4/2014 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Phạm Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0002127 ngày 15/6/2020 của Chi cục THADS Nông Cống (chị T đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị T, vắng mặt anh C. Chị T có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,

anh C vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

đã ký

Võ Kỳ Anh